

Đường Về Cõi Phật A Di Đà

Cư sĩ Trúc Lâm Lê An Bình

(thuyết giảng tại Tự Viện Linh Sơn Pháp quốc, tháng 5/1985)

---o0o---

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 17-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- I. Dẫn nhập
- II. Định nghĩa, đại nguyện, và cảnh giới
- III. Tư lương, điều kiện và kết luận

---o0o---

I. Dẫn nhập

Kinh Đại Bồn Di Đà nói: Một hôm Đức Phật Thích Ca dung nhan khác lạ, ngài A Nan mới hỏi có nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn hoan hỷ như vậy? Đức Phật nói có pháp môn niệm Phật Di Đà rất thích hợp với chúng sanh, đặc biệt vào thời mạt pháp khi căn cơ chúng sanh bị giới hạn đi nhiều và bất cứ ai cũng có thể trì niệm được. Đây là nguyên do đầu tiên.

Bà Vaidehy cùng vua Bimbisara có sanh một vị hoàng tử tên là A Xà Thế, người con này vô cùng nghịch, không bao giờ nghe lời chỉ dạy của phụ vương cũng như mẫu hậu. Ông nghe lời Đề Bà Đạt Đa (y nói rằng trong Đạo có Phật Thích Ca là lớn nhất, ngoài đời có vua Tần Bà Sa La là uy quyền hơn cả) về nhà bắt giam vua cha vô cớ. Hay tin này, bà Vaidehy rất đau khổ mới xin những người gác ngục vào thăm vua. Để có thể mang đồ ăn thức uống vào cho vua đang bị giam, bà lấy trái Ampala lớn như trái ổi (loại trái cây này chỉ có bên Ấn Độ) giả như mang một xâu chuỗi, trong đó hoàng hậu để các đồ cần dùng no lòng. Cứ thế nhiều ngày trôi qua, tuy nhiên, sự việc này cuối cùng bị A Xà Thế phát giác và điều tra, sau đó bắt và hạ ngục luôn bà mẹ của mình.

Trong ngục tối của thành Vương Xá dưới chân núi Linh Thứu, mỗi đêm bà đều hướng lên Linh Sơn để cầu nguyện với Đức Phật: «Làm sao Thế Tôn cho con sống trong một thế giới nào không có những đũa con ngỗ nghịch!» . Đức Phật ở trên núi Linh Thứu mới phóng quang cho bà thấy cả 10 phương thế giới. Từ đó bà mới chọn cảnh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, có Phật Di Đà đáng kính đáng về (đây là theo nhân duyên cảm nhận, thực sự 10 phương Phật, phương nào cũng là cực lạc, cõi Phật nào cũng đều nên về cả). Bà phát nguyện khi xả báo thân này là sẽ về cõi Phật A Di Đà. Đây là nguyên do thứ hai.

Trong kinh nói rằng, Đức Phật Di Đà luôn luôn chờ đợi để tiếp đón chúng sanh lên 9 phẩm sen vàng, phần còn lại là ở nơi chúng sanh có muốn về cõi Phật hay là không.

---o0o---

II. Định nghĩa, đại nguyện, và cảnh giới

Namo Amitàbha Buddha hay Nam Mô A Di Đà Phật nghĩa là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Công Đức.

Namo nghĩa là quy mạng, nương về ở đây dịch âm từ tiếng Bắc Phạn, Tàu dịch là Nam Vô, người Việt đọc là Nam Mô; Amitàbha là Vô Lượng Thọ (mạng sống lâu không thể lường), Vô Lượng Quang (sáng suốt vô cùng tận), Vô Lượng Công Đức (ngài tu hành không biết bao nhiêu kiếp nên công đức không thể nào lường được); Buddha là Phật hay Phật Đà (là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, người nào có đủ ba hạnh đều gọi là Phật cả). Trong mỗi chúng ta có sẵn những đức tánh vừa nêu trên, nhưng từ nhiều đời nhiều kiếp trở lại đây nó đã bị bụi trần vô minh che lấp, nên không thấy được. Đức Phật dạy ta pháp môn niệm Phật Di Đà nhằm hướng dẫn ta trở về con đường này, hơn nữa sự trở về này dù cho có Phật Di Đà làm trợ duyên tốt, nhưng trước tiên chính là mỗi người trong chúng ta cần phải đầu tư thật nhiều cố gắng, thì mới có thể về được cõi Phật.

Cõi Phật Di Đà hay là Tịnh Độ có nhiều tên gọi khác nhau như Cực Lạc, Tây Phương, An Dưỡng Quốc, An Lạc Quốc. Cảnh trí cõi Tịnh cho chúng ta thấy rằng chánh báo nào thì y báo nấy. Chánh báo là chỉ cho Đức Phật Di Đà, Y báo là cõi nước. Chánh báo là phước báo chánh của vị đó, còn Y báo là phước báo nương theo vị đó. Khi ta đã biết được cảnh trí Tịnh độ rồi (diễn tả chi tiết trong Kinh A Di Đà), thì mới hết lòng cầu về cõi Tịnh.

Nguyện về tịnh độ một nhà
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình
Hoa nở rồi biết tánh linh
Các ông Bồ Tát bạn lành với ta.

Khi chúng sanh chưa giác ngộ thì các vị Bồ Tát là cao, còn khi ta ngộ (sinh về Tịnh độ) thì các ngài là người bạn lành của chúng ta. Chúng ta muốn thật sự gia đình được đoàn tụ (không phải sau khi chết rồi, mỗi người mỗi nẻo luân hồi), thì chỉ nên đi một đường này. Tất cả chúng ta nên tu theo pháp môn niệm Phật, ai có nhân duyên về Tịnh độ trước thì lo chuẩn bị tiếp rước người đến sau. Nếu chí thành theo con đường niệm Phật Di Đà cầu sanh tịnh độ thì dứt khoát sau này cả gia đình, ngay cả dòng họ sẽ gặp nhau cả (Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu – chín phẩm hoa sen là cha mẹ). Khi chúng ta bắt đầu niệm Phật tại đây thì trong Ao Thất Bảo bên Tịnh độ hiện lên một hoa sen ghi danh hiệu của ta ở trên đó. Khi niệm Phật phải phát tâm Chánh Tín rằng chư Phật không bao giờ nói dối chúng sanh; hơn nữa phải tin tưởng giáo pháp của Phật đã chỉ dạy trong các kinh điển, và quan trọng hơn cả là phải tự tin nơi chính bản thân của mình. Còn nếu có người vẫn niệm Phật nhưng lòng còn nghi, thì sau khi chết sanh về nghi thành, và ở đó trong nhiều tháng, đây là lời trong Kinh Đại Bản Di Đà đã ghi. Do đó nhất định không thể nào nghi được, phải có một ý chí sắt đá tin tưởng vào sự trì niệm danh hiệu Phật Di Đà và cầu sanh Tịnh độ. Muốn về Tịnh độ phải trang bị tư lương thật đầy đủ. Tư nghĩa là thực hành các loại công đức khác nhau, như làm lành lánh dữ (thọ Tam Quy trì ngũ giới), giúp đỡ kẻ yếu bịnh vực người ngay (ở đây cần hiểu rộng ra là người Phật tử ngoài chuyện tụng kinh niệm Phật, còn phải đóng góp tâm trí vào việc cứu vớt dân tộc Việt ra khỏi ách nạn cộng sản); Lương nghĩa là hành trang niệm Phật tụng kinh một cách chí thành khẩn thiết. Ngài Huệ Viễn là vị Tổ sư của pháp môn Tịnh độ dạy rằng: «Thà về Tịnh độ ở Hạ phẩm, còn hơn lên các cõi trời, vì lên trời còn bị đọa sau khi hết phước». Khi về Tịnh độ thì thần thức ta ở trong hoa sen, hoa nở mới gặp được Phật A Di Đà, tại đây sẽ được bậc Bất thối chuyển, không có thân tướng nam nữ khác biệt.

Còn về cảnh trí Tịnh Độ thì mỗi nơi chốn tiêu biểu cho số 7. Cho nên mới nói về đến Tây phương Tịnh độ được tám ao thất bảo. Tám ao thất bảo này để trừ thất bất khả ty (bảy việc không thể tránh khỏi) như: 1/ Sanh (theo nghiệp lành dữ), 2/ Già (tuổi lần xế chiều), 3/ bịnh, 4/ chết, 5/ tội (khổ quả tội nghiệp), 6/ phước (khổ quả thiện nghiệp), 7/ nhơn duyên (hòa hợp sanh ra, họa phước giàu nghèo). Ngoài ra còn có hương ngũ phận, lưu ly có đất sáng ngần, ma ni có nước trong ngần chảy quanh, thất trân có 7 lớp thành, 7

hàng cây báu 7 hàng lưới châu, có ngân các có kim lâu, có chim nói pháp nhiệm mâu để nghe; Nghe rồi tỏ đạo bồ đề các ông Bồ tát bạn lành với ta. Do đó ta thấy rằng cõi chúng ta ở là Ta bà đầy cảnh khổ đau, dầu có phước đức như thế nào đi nữa thì cũng không thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử.

Trong tất cả các pháp hội khi Đức Thế Tôn còn tại thế, tất cả các bộ kinh ngài thuyết đều do có người hỏi cả; đặc biệt bộ Kinh Di Đà thì ngài đã vô vấn tự thuyết (không hỏi mà nói), như trong kinh tiểu bản Di Đà, Đức Phật kêu ngài Xá Lợi Phất mà nói về công đức của bộ kinh này. Pháp môn Tịnh độ chỉ cho chúng ta đi về con đường an vui, sự trình bày của tôi hôm nay để cùng nhau đi về thế giới thanh tịnh an vui mà chư Phật, chư vị Tổ sư đã đi trước chúng ta một thời gian khá dài. Thế giới Tịnh độ thực ra không xa nơi chúng ta đang cư ngụ, nếu ta giác ngộ thì thế giới đó ở ngay chính trong ta, nên có một câu nói là Duy Tâm Tịnh Độ (nghĩa là muốn trở về cõi Tịnh thì trước nhất Tâm của ta phải Tịnh, vì Tâm tịnh tức Phật độ tịnh), là ở ý nghĩa đó. Đức Phật Di Đà rất từ bi, ngài phát 48 lời đại nguyện và lúc nào cũng đưa tay sẵn sàng tiếp đón thân thức của ta về với quốc độ của ngài, nhưng nếu tâm ta chưa thanh tịnh thì chưa thể nào về cõi Tịnh được. Do vậy người niệm Phật phải luyện tập hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng cho được thuần thực và nhất tâm. Trong các bài sám có câu «Một lòng mỗi một không nài, cầu về tịnh độ ngôi đài liên hoa, cha lành vốn thiệt Di Đà, soi hào quang tịnh chói lò thân con...». Nếu niệm Phật không tinh tấn thì không thể nào về được cõi Tịnh, và mọi người đều biết rằng ai ai cũng đều phải chết, có một vị Tổ sư nhắc rằng «Chớ đợi đến già mới niệm Phật, thiếu chi mò trẻ đã qua đời». Khi chết ta phải tìm con đường để đi, điều cần yếu là đừng trở lại chốn này. Trong chúng ta đây là những người có được phước, so với đồng bào ta ở trong nước đang phải sống rất khổ cực dưới chế độ cộng sản, cho dù đủ ăn đủ mặc nhưng vẫn phải chịu những cái khổ khác không sao tránh khỏi, vì đây là thế giới đầy sự đau khổ, trong đó chúng sanh lấy khổ cho là vui, thân chịu trong cảnh khổ không tìm cách thoát ly. Về với Phật Di Đà là để có cơ duyên thuận tiện để tu hành chứ không phải về tới Tịnh độ là được thành Phật ngay, cho nên có 3 phẩm hóa sanh (thượng, trung và hạ) là ở nơi công đức tu trì của hành giả mà thôi.

Đức Phật thuyết giảng hơn tám muôn bốn ngàn pháp môn, nhưng ngài nói pháp môn niệm Phật Di Đà và cầu sanh Tịnh độ là Bất Nhị Pháp Môn (nghĩa là pháp môn có một không hai), các pháp môn khác đều phải tự lực trước; riêng pháp môn này khi bắt đầu trì niệm hồng danh Đức Phật Di Đà, thì người trì niệm đã được an trụ trong hào quang, cũng như sự che chở của ngài, sự việc này đến do nơi 48 đại nguyện phát ra trước đây. Lời nguyện

thứ 18 nói rằng: «Có chúng sanh nào, muốn sanh đến thế giới của ngài, chỉ thành tâm thiện chí thành tâm niệm danh hiệu của ngài 10 lần. Nếu người đó không sanh về cõi ngài thì ngài không chứng bực chánh giác». Do đó ta thấy pháp môn này nhờ vào đại nguyện của đức Phật Di Đà và các bực thánh chúng, đặc biệt là rất phổ cập và không khó để hành trì, hàng Phật tử dù tại gia hay xuất gia, gặp nhau nơi nào đi nữa, câu nói đầu tiên thoát ra từ cửa miệng là A Di Đà Phật!

---o0o---

III. Tư lương, điều kiện và kết luận

Dưới đây là một vài điều kiện căn bản để làm tư lương trên đường về cõi Phật A Di Đà :

1/ Sự kiện trên có ý nghĩa đặc biệt nhằm gọi lại Phật tánh sẵn có nơi mỗi người (bản tánh của ta vốn sáng suốt, nhưng bị vô minh che lấp từ nhiều đời nhiều kiếp trở lại); thứ hai nhắc nhở tới bình đẳng Phật tánh giữa tất cả mọi loài cùng mười phương chư Phật. Cho nên trì niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà tức là tưởng nhớ tới danh hiệu của 10 phương chư Phật. Nhưng muốn thành tựu công đức này, một điều không thể nào quên được, đó là phải có niềm tin. Vì có niềm tin nên mới trì niệm, có niềm tin nên thực hành, và có niềm tin mới đi đến kết quả sau cùng. Cho nên mới nói rằng: Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, Tín năng trưởng dưỡng chư thiện căn, Tín năng siêu xuất chúng ma lộ, Tín năng đặc nhập tam ma địa, Tín năng giải thoát sanh tử hải, Tín năng thành tựu Phật bồ đề. Bởi thế cho nên Nhân Vô Tín Bất Lập. Người tu niệm tin Phật không bao giờ nói dối chúng đệ tử vì thân khẩu ý của ngài đã thanh tịnh; tin Pháp là chơn lý không bao giờ dời đổi; tin sức mạnh của bản thân sẽ được đi về Tịnh độ. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, tiềm ẩn tự tánh Di Đà, và tâm Tịnh độ, cho nên, ta phải chí thành tin tưởng và trì niệm mỗi ngày để ngày nào khi tắt thở, thì thần thức này đương nhiên sẽ đi về cõi Tịnh độ mà thôi.

2/ Về mặt phát nguyện phải hết sức thành khẩn, kinh Di Đà nói chúng sanh mong muốn về cõi Tịnh độ để thấy Phật Di Đà cũng như con mong muốn được gặp mẹ. Cho nên có câu trong bài sám tụng như sau: «...đã sanh về chín phẩm sen, mấy tai cũng xây, mấy duyên cũng tròn, Phật như thể mẹ tìm con, con mà gặp mẹ lại còn lo chi, lầu vàng đài các thiếu gì, ăn thời cơm ngọc, mặc thời áo châu, không ơn không oán không sầu, không già không chết có đâu luân hồi...». Qua đó ta thấy rằng Đức Phật giống như một bà mẹ hiền lúc nào cũng muốn đưa chúng ta về cảnh giới an lành, còn về hay

không là tùy ở nơi mỗi người chúng ta. Chư vị thiên đức đã nhắc chúng ta rằng nơi cõi chúng ta đang sống là một cảnh chiêm bao lớn. Trong giấc chiêm bao lớn này, sống chết là chiêm bao nhỏ, khi giấc ngộ rồi thì đại địa vô thốn thổ (cả trời đất bao la này không còn gì cả), vì chúng ta chưa ngộ nên cho tất cả mọi chuyện chung quanh đều là thật cả. Phải phát tâm mong muốn hết lòng, cầu về gặp cho bằng được bà mẹ hiền (Đức Phật Di Đà) đã chờ ta từ vô lượng kiếp tới nay.

3/ Mỗi ngày cần siêng năng niệm Phật để chuẩn bị tư lương đường về cõi Phật. Tư lương này ví như là công đức của ta cần tích lũy cho mai sau khi ta nhắm mắt lia trần. Khi xa lia thế gian chỉ có tư lương này là có thể đem theo ta vĩnh viễn, còn tiền bạc mà ta tạo dựng hay dành dụm khi còn sống thì không thể nào đem theo được; như Kinh Pháp Hoa có phẩm Thí Dụ ghi lại câu chuyện ông nhà giàu vì muốn cứu các người con mê muội quây quần chơi giỡn trong nhà lửa nên dùng các thứ xe làm phương tiện để cứu các con thoát chết. Khi các người con được ra khỏi nhà lửa (tam giới) thì người cha bảo đó chỉ là phương tiện để cứu các con mà thôi. Ở nơi đây cũng thế, pháp môn niệm Phật mà Đức Phật thuyết giảng là phương tiện để cứu vớt chúng sanh ra khỏi luân hồi (tam giới) và về cõi Tịnh. Về sự thực hành thì tôi đề nghị như sau: «mỗi ngày đêm 24 tiếng đồng hồ để lo toan việc đời cũng như ngũ nhĩ, cần để riêng 30 phút hoặc tối hay sáng tùy theo hoàn cảnh, ai đủ thời giờ thì trì niệm cả hai thời sáng và tối càng tốt. Trong nhà thờ Phật Di Đà, sau khi vào kinh tụng tiểu phẩm Di Đà, đến khi hồi hướng thì nguyện con tên...pháp danh...phát nguyện trì niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà khi xả báo thân này được sanh về tây phương cực lạc thế giới. Lưu ý là nên thực hành đều đặn, không nên hôm làm hôm nghỉ và cần có một xâu chuỗi để niệm Phật. Trong kinh còn nhắc nhở rằng tu hành mà không phát nguyện thì khó mong thành tựu đạo quả.

---o0o---

Có 4 phương pháp thực hành

1/ Trì danh niệm Phật: gìn giữ danh hiệu đức Phật, cũng như suy nghĩ về sự sáng suốt của ngài, vì không niệm Phật thì sẽ niệm chúng sanh. Đây là phương pháp niệm Phật ra tiếng (Sự niệm Phật).

2/ Quán tưởng niệm Phật: quán tưởng hình tượng Đức Phật Di Đà phóng quang mà niệm. Chú ý nên để hình tượng Phật Di Đà trước mặt để niệm Phật (Sự niệm Phật).

3/ Tham cứu niệm Phật: niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật phải tham khảo cứu xét mà niệm. Quan niệm rằng niệm Phật là niệm Tâm, niệm Tâm là niệm Phật. Vì Tâm, Phật, cập chúng sanh ba việc đó không có sai khác. Vì không sai khác nên mới tham cứu, niệm từ nơi tâm, tâm ta là Phật. Phật tức tâm, tâm tức Phật. Chính ta có Phật, vì niệm Phật ở ngoài là niệm Phật ở trong (Lý niệm Phật). Ở phần này cho ta thấy không khác sự tham cứu thoại đầu ở thiền tông, đưa đến kết luận rằng Thiền và Tịnh không khác gì nhau cả. Nếu có khác là do tâm phân biệt của người tu hành mà ra, hễ có tâm phân biệt như thế thì chưa đúng là người tu thiền thật sự. Khi xưa, Bồ tát Khương Tăng Hội, vị Tỳ Tổ của Thiền tông Đông độ cũng như của Việt Nam đã cho rằng giữa thiền và tịnh độ thực ra không có gì khác biệt cả.

4/ Thật tướng niệm Phật: Trong khi niệm Phật quán sát tướng vũ trụ nhân sanh chỉ có một, không có nhiều. Khi còn mê muội thì thấy chúng nó có thiên hình vạn trạng (pháp giới trùng trùng duyên khởi), còn khi giác ngộ rồi thì sơn hà đại địa vô thốn thổ. Quán sát tướng chân thật đó, thấy ra tất cả chúng sanh đều như ta không khác - ở đây Đức Phật nói Đồng Thể Đại Bi - người đau khổ tức là mình bị khổ đau. Do đó Bồ Tát Thấy Dân Kêu Ca, Do Vậy Gạt Lệ, Xông Minh Vào Nơi Chính Trị Hà Khắc Để Cứu Dân Khỏi Nạn Lầm Than mà cách đây 2000 năm đã được ghi trong Lục Độ Tập Kinh làm phương pháp hành đạo cứu nước cứu đời của các vị trí thức, nhân sĩ Phật giáo nước ta dùng làm phương châm chống lại sự xâm lăng của người Tàu phương Bắc. Truyền thống này còn lưu truyền và phổ biến cho tới mãi bây giờ. Trở lại phương pháp thứ tư Thật Tướng Niệm Phật cho ta thấy là thượng chí nhất tâm bất loạn, hạ chí thập niệm thành công.

Bồ đề vừa nắm trên tay
Bao nhiêu phiền não trần lao dứt liền
Phật hiệu Di Đà gắng sức tinh chuyên
Luân hồi sanh tử không còn từ đây

---o0o---

Những điều cần lưu ý khi sắp lìa trần.

1/ Trên vấn đề hộ niệm: Thực hành Vô úy thí bằng cách khuyên nhủ nhẹ nhàng người sắp chết đừng suy nghĩ những chuyện thế gian nữa, hãy bỏ hết, chỉ suy nghĩ duy nhất một việc đó là con đường trở về cõi Tịnh của đức Phật A Di Đà. Cần nên nhớ rằng, trước khi sắp chết người bệnh rất yếu về mặt tinh thần giống như con cua bị bỏ trong nồi nước nóng (thí dụ như nghĩ ngợi

đủ chuyện, rồi tùy theo tâm niệm lúc đó mà vào địa ngục hay là lên Tịnh độ v.v...). Chúng ta phải dẫn những người tới trợ niệm khuyên người bệnh phải dũng mãnh, và luôn nhớ Phật Di Đà.

2/ Cách bày biện trong căn phòng: cần tôn trí một hình Phật A Di Đà đang phóng hào quang tiếp dẫn, nơi để hình Phật khiến cho người bệnh được trông thấy dễ dàng nhằm gia tăng chánh niệm, cũng như hộ niệm dễ dàng.

3/ Hạn chế sự khóc lóc: Trong việc này phải cố gắng kiềm chế sự xúc động, vì càng xúc động, càng khóc lóc nhiều sẽ không lợi lạc cho sự hộ niệm, mà ngược lại cản trở cho công cuộc hộ niệm cho người sắp chết cầu sanh Tây phương cực lạc. Trong những tình huống như thế này, theo quan niệm tổng quát, khi thân nhân sắp lìa trần những người còn ở lại khóc lóc thương tiếc nhiều chứng tỏ có sự thâm tình hoặc là có hiếu đối với cha mẹ. Nhưng đối với người tu niệm Phật Di Đà, **TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC KHÓC**, vì khóc sẽ là chướng ngại lớn cũng như làm tiêu tan công đức niệm Phật của người sắp chết. Sau khi hộ niệm xong, người thân đã lìa trần một cách êm ái, lúc đó, hãy ra nơi khác mà khóc mà bày tỏ tình thương. Dù cho người sắp chết suốt đời tu niệm Phật, nhưng lúc lâm chung mà không được hộ niệm một cách tốt đẹp, thì sẽ mai một công đức của họ, thật tiếc vô cùng. Xin hãy thận trọng ở điểm này.

---o0o---

Lợi ích của sự niệm Phật:

1/ Khi niệm Phật sẽ trừ được niệm chúng sanh để cho tâm hồn chúng ta được sáng suốt; 2/ Niệm Phật tội chướng được tiêu trừ, gia tăng tín tâm với Phật Pháp; 3/ Trì niệm danh hiệu đức Phật Di Đà sẽ được sanh về cõi Tịnh độ, chúng được bậc vô sanh bất thối, sau đó tùy tiện trở lại chốn này hóa độ chúng sanh.

Công đức của việc trì niệm danh hiệu đức Phật Di Đà được ghi lại trong các bộ kinh tiểu bản Di Đà, đại bản Di Đà, Thập Lục Quán, Kinh Hoa Nghiêm v.v... Hội Liên Xã ở Tàu có ngài Huệ Viễn đại sư là người hành trì pháp môn niệm Phật cũng là vị Tổ của pháp môn Tịnh độ, ngài đã biết trước ngày giờ chết của mình trước bảy ngày và thông báo cho đại chúng. Tới ngày thứ bảy, ngài Huệ Viễn ngồi an nhiên thị tịch giữa ba hồi bát nhã tiền đưa. Tại Việt Nam chúng ta thường đề cập tới trái tim bất diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức, đây cũng là một minh chứng hùng hồn về sự niệm Phật vãng sanh tịnh độ. Xin kể hầu quý vị liên hữu một câu chuyện vãng sanh mà

chúng tôi được biết. Số là vị Sư tổ của tôi là Hòa thượng...(xin được miễn nêu danh tánh vì sự an toàn của thầy tôi) từ Bình Định vào Sài Gòn tu hành ở những năm 30-40. Ngôi chùa mà vị Sư tổ trụ trì, khởi đầu được xây trên một nghĩa trang (sau khi được thỉnh về trụ trì, sư tổ mới biết được điều này), nên hằng đêm thường bị các linh hồn về quấy phá. Có một đêm, Sư tổ trông thấy con quỷ một giò rất lớn hiện lên và đứng nhìn vào chùa. Ngài không chút sợ hãi, đã bình tĩnh niệm Phật Di Đà một hồi lâu thì con quỷ nọ biến mất hẳn từ đó về sau. Nhờ chuyên trì kinh Pháp Hoa cũng như thành tâm niệm Phật Di Đà nên lần lần Phật tử chung quanh về hộ đạo rất đông đảo. Trước ngày thị tịch, Sư tổ bảo với Thầy tôi rằng, vào giờ Ngọ trưa mai ta sẽ theo Phật, con ở lại lo liệu mọi chuyện. Quả nhiên như vậy, đúng Ngọ ngày hôm sau lúc Sư tổ đang tụng kinh trên chánh điện thì chung quanh tự nhiên thoảng lên mùi hương rất nhẹ nhàng và thanh thoát, thì chính ngay lúc ấy, ngài đã quy Tây phương. Lúc đó thầy của tôi ngồi cạnh vẫn không hay, tay vẫn đều tiếng mõ, đến khi hồi kinh chấm dứt, không thấy Sư tổ đứng dậy lễ Phật thì mới biết đã viên tịch. Sau khi hỏa táng có nhặt được xá lợi, trong đó tôi có giữ một chiếc răng của Sư tổ mà thầy tôi đã cho cách đây hơn 20 năm khi rời khỏi Việt Nam. Chiếc răng xá lợi này hiện tôi vẫn còn tôn thờ cẩn thận.

Thưa quý liên hữu vừa rồi chúng tôi đã trình bày một cách khái quát phương pháp cũng như nguyên nhân mà Đức Từ Phụ của chúng ta đã từ bi ban bố cho chư Phật tử pháp môn niệm Phật Di Đà có một không hai này. Để khỏi phụ lòng của ngài, và cũng để thoát khỏi cảnh khổ sanh tử luân hồi, chúng ta hãy cùng nhau phát nguyện cầu sanh Tây phương cực lạc thế giới của Đức Phật A Di Đà vì :

Ái hà thiên xích lãng
Khổ hải vạn trùng ba
Dục thoát luân hồi khổ
Tảo cấp niệm Di Đà

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật tác đại chứng minh

Cư sĩ Trúc Lâm Lê An Bình cẩn kính.

Hoàng pháp thị gia vụ
Trí tuệ vi sự nghiệp

---o0o---
HẾT